Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6807.90.10

Mã HS	6807.90.10
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm bằng asphalt hoặc bằng vật liệu tương tự (ví dụ, bi-tum dầu mỏ hoặc hắc ín than đá) / - Loại khác: / - - Tấm lát (tiles)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 11:53:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68079010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10188
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10188
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10188
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9685
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9636
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9636
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9636
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9636
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9636
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9636
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9688
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9688
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9688
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9688
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9688
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9689
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9689
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9689
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9689
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9689
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9689
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9690
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9642
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9648
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9648
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9648
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9648
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9648
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9648
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9673
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9673
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9673
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9673
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9673
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9673
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9720
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9720
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9720
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9720
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9720
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9699
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9699
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9699
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9699
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9699
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9699
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9711
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9711
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9711
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9711
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9711
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9711
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D9722
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E9722
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F9722
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9722
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9722
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9722
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D9721
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E9721
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F9721
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9721

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9721
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9721
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9668
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9668
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9668
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9668
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9668
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9668
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9668
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9705
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9705
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9705
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9705
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9705
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9705
RCEP B	2022	2022	0	B!D9705
RCEP B	2023	2023	0	B!E9705
RCEP B	2024	2024	0	B!F9705
RCEP B	2025	2025	0	B!G9705
RCEP B	2026	2026	0	B!H9705
RCEP B	2027	2027	0	B!I9705
RCEP C	2022	2022	0	C!D9705
RCEP C	2023	2023	0	C!E9705
RCEP C	2024	2024	0	C!F9705
RCEP C	2025	2025	0	C!G9705
RCEP C	2026	2026	0	C!H9705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9705
RCEP D	2022	2022	0	D!D9704
RCEP D	2023	2023	0	D!E9704
RCEP D	2024	2024	0	D!F9704
RCEP D	2025	2025	0	D!G9704
RCEP D	2026	2026	0	D!H9704
RCEP D	2027	2027	0	D!I9704
RCEP E	2022	2022	0	E!D9708
RCEP E	2023	2023	0	E!E9708
RCEP E	2024	2024	0	E!F9708
RCEP E	2025	2025	0	E!G9708
RCEP E	2026	2026	0	E!H9708
RCEP E	2027	2027	0	E!I9708
RCEP F	2022	2022	0	F!D9705
RCEP F	2023	2023	0	F!E9705
RCEP F	2024	2024	0	F!F9705
RCEP F	2025	2025	0	F!G9705
RCEP F	2026	2026	0	F!H9705
RCEP F	2027	2027	0	F!I9705
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F8978
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G8978
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H8978
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I8978

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6807.90 có 2 dòng thuế; dòng 6807.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Tấm lát (tiles).	6807.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6807.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 6807.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10188), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.